

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

Số: 396 /CTBNI-TTHT

V/v hướng dẫn giảm thuế GTGT theo  
Nghị định số 15/2022/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế trên  
địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/NQ-QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội  
về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế  
- xã hội;

Căn cứ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số  
43/2022/NQ-QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi  
và phát triển kinh tế - xã hội.

Sau khi nhận được một số văn bản hỏi về việc xác định đối tượng được  
giảm thuế theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của  
Chính phủ, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh đã nghiên cứu trả lời các doanh nghiệp và  
tổng hợp một số lưu ý trong quá trình xác định đối tượng được giảm thuế GTGT  
và việc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với  
khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng,  
chống dịch COVID-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022 để các tổ chức,  
doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế nghiên cứu, tham khảo với nội dung như  
sau:

**I. Về giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT):**

Giảm 2% thuế suất thuế GTGT trong năm 2022 (áp dụng từ ngày  
01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022) đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang  
áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% (còn 8%) trừ một số hàng hóa, dịch vụ  
sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh  
doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai  
khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất.  
Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày  
28/01/2022 của Chính phủ.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ  
lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của  
Chính phủ.

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ nêu trên được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật Thuế GTGT thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Để xác định hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT người nộp thuế thực hiện các bước như sau:

**Bước 1. Người nộp thuế xác định thông tin cụ thể hàng hóa, dịch vụ do đơn vị sản xuất, cung cấp, bán ra hoặc hàng hóa nhập khẩu, kinh doanh thương mại về:**

- Tên sản phẩm; Số hiệu sản phẩm (từ cấp 1 đến cấp 7 - mã gồm 07 số) tương ứng theo Danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam (tham khảo DANH MỤC VÀ NỘI DUNG HỆ THỐNG NGÀNH SẢN PHẨM VIỆT NAM ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ). Lưu ý:

+ Đối với các sản phẩm căn cứ công dụng, chức năng, thiết kế, cấu tạo của sản phẩm để xác định sản phẩm thuộc nhóm số hiệu sản phẩm nào và tên sản phẩm tương ứng;

+ Mã HS (áp dụng với hàng hóa tại khâu nhập khẩu) là thông tin bổ sung thêm để xác định tên sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc sản xuất, mua bán trong thị trường nội địa.

+ Đối với hoạt động gia công, sửa chữa; hoạt động xây dựng, lắp đặt và hoạt động cung cấp dịch vụ (trừ dịch vụ thông tin và truyền thông; Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và dịch vụ kinh doanh bất động sản tại Phụ lục I) thì các hoạt động này đều thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT.

Riêng đối với tiền dịch vụ gia công, sửa chữa, lắp đặt có cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu kèm theo thì người nộp thuế phải tách riêng giá trị nguyên vật liệu, hàng hóa cung cấp kèm theo để xác định nguyên vật liệu, hàng hóa cung cấp kèm theo có thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT hay không.

+ Đối với hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng chính phủ tại Phần A Phụ lục III, bao gồm sản phẩm hoàn chỉnh và bộ phận kèm theo. Do vậy, người nộp thuế phải xem xét đối với các bộ phận kèm theo đó có phải là các bộ phận dùng cho các thiết bị công nghệ thông tin nêu tại phần A hay không để xác định. Người nộp thuế có thể tham khảo cách phân nhóm của các hoạt động sản xuất, lắp ráp, chế biến theo mã ngành kinh tế quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Ngoài việc đối chiếu các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin tại phần A thì người nộp thuế tiếp tục phải đối chiếu với sản phẩm hàng hóa công nghệ thông tin khác theo pháp luật về công nghệ thông tin tại phần B phụ lục III, do một số mặt hàng có thể trùng nhau:

Ví dụ:

- + Thiết bị truyền thông - tại phần A và Thiết bị dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình, viễn thông tại phần B;
- + Máy điện thoại hữu tuyến, Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây; Điện thoại di động phổ thông; Điện thoại thông minh (Smart phone - tại phần A và Điện thoại - tại phần B.
- + Sản phẩm điện tử dân dụng - tại phần A và Nhóm sản phẩm điện tử gia dụng tại phần B
- ...

+ Đối với sản phẩm hàng hóa công nghệ thông tin khác theo pháp luật về công nghệ thông tin tại Phần B Phụ lục III, bao gồm sản phẩm hoàn chỉnh và các bộ phận, phụ tùng của các sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc nhóm từ mục I đến mục V (là một phần được trích từ Phụ lục 2 - DANH MỤC SẢN PHẨM PHẦN CỨNG, ĐIỆN TỬ ban hành kèm theo Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông). Do vậy, để xác định cụ thể sản phẩm có thuộc nhóm hàng hóa này hay không thì người nộp thuế tham khảo thêm các quy định, định nghĩa về sản phẩm tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin và Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.

**Bước 2. Sau khi xác định được tên sản phẩm và số hiệu cấp tương ứng, người nộp thuế đối chiếu với tên và số hiệu cấp của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trên Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III - Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT (ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ).** Cục Thuế gửi kèm bảng kê Excel cùng văn bản trên Website Cục Thuế để người nộp thuế dễ dàng tải và tra cứu.



+ Nếu hàng hóa, dịch vụ (đang chịu thuế GTGT với thuế suất 10% theo Luật thuế GTGT) thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT trên Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III thì hàng hóa, dịch vụ của người nộp thuế trực tiếp sản xuất (hoặc nhập lại sản phẩm sau giao gia công) bán ra hoặc hàng hóa nhập khẩu, kinh doanh thương mại không thuộc trường hợp được giảm thuế GTGT;

+ Nếu hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT trên Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III thì hàng hóa, dịch vụ của người nộp thuế trực tiếp sản xuất (hoặc nhập lại sản phẩm sau giao gia công) bán ra hoặc hàng hóa nhập khẩu, kinh doanh thương mại thuộc trường hợp được giảm thuế GTGT.

Người nộp thuế phải lập hóa đơn riêng cho từng mặt hàng, dịch vụ được áp dụng giảm thuế giá trị gia tăng trong năm 2022 như sau:

STT	Trường hợp, đối tượng áp dụng giảm thuế GTGT	Quy định về cách viết hóa đơn giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 43 và Nghị định 15
1	Người nộp thuế tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ	<p>+ Tại dòng thuế suất: Ghi 8%</p> <p>+ Ghi đầy đủ: Tiền thuế giá trị gia tăng và Tổng số tiền người mua phải thanh toán</p> <p><b>Ví dụ 1: Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ</b></p> <p>Công ty A, là doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, bán sản phẩm “Ghế sofa” cho Công ty B theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, giá tính thuế là 30.000.000 đồng. Hàng hóa “Ghế sofa” áp dụng thuế suất 10% và thuộc đối tượng được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022.</p> <p>Ngày 07/02/2022, Công ty A bán sản phẩm “Ghế sofa” cho Công ty B thì khi lập hóa đơn GTGT giao cho Công ty B, Công ty A ghi như sau:</p> <p>Tại cột “Hàng hóa, dịch vụ” ghi: “Ghế sofa”</p> <p>Giá bán ghi: “30.000.000 đồng”</p> <p>Thuế suất thuế GTGT ghi: “8%”</p> <p>Tiền thuế GTGT ghi: “2.400.000 đồng”</p> <p>Tổng giá thanh toán: “32.400.000 đồng”.</p> <p>Căn cứ hóa đơn GTGT, Công ty A kê khai thuế GTGT đầu ra, Công ty B kê khai khấu trừ thuế GTGT theo số thuế ghi trên hóa đơn là 2.400.000 đồng.</p>

		<p>+ Cột “Thành tiền”: ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm;</p> <p>+ Tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ”: Ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu</p> <p>+ Ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15”.</p> <p><b>Ví dụ 2: Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (tỷ lệ % trên doanh thu)</b></p> <p>Hộ kinh doanh X, là đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu, bán sản phẩm “Bàn làm việc văn phòng” cho khách hàng Y ngày 11/02/2022 với niêm yết là 8.200.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính “Dịch vụ phân phối, cung cấp hàng hóa” áp dụng mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu là 1%. Trong thời gian được giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/NQ-QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, hộ kinh doanh X tính số thuế GTGT được giảm và lập hoá đơn bán hàng giao cho khách hàng Y như sau:</p> <p>Tại cột “Hàng hóa, dịch vụ” ghi: “Bàn làm việc văn phòng”</p> <p>Tại cột “Thành tiền” ghi: “8.200.000 đồng”</p> <p>Tính số thuế GTGT phải nộp của tổ chức X cho hóa đơn này là: <math>8.200.000 \text{ đồng} \times 1\% = 82.000 \text{ đồng}</math></p> <p>Tính số thuế GTGT được giảm: <math>82.000 \text{ đồng} \times 20\% = 16.400 \text{ đồng}</math></p> <p>Tính số tiền phải thu/thanh toán của hóa đơn này là: <math>8.200.000 \text{ đồng} - 16.400 \text{ đồng} = 8.183.600 \text{ đồng}</math></p> <p>Tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” (là số tiền người mua phải thanh toán cho người bán) ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu là “8.183.600 đồng”, đồng thời ghi chú: “đã giảm 16.400 đồng, tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15”.</p>
2	Người nộp thuế (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế theo phương pháp trực tiếp (tỷ lệ % trên doanh thu)	<p>Người nộp thuế thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ cùng với Tờ khai thuế GTGT.</p>

## II. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

1. Doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của kỳ tính thuế TNDN năm 2022 đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại mục 2.



Trường hợp công ty mẹ nhận khoản ủng hộ, tài trợ của các đơn vị thành viên để tập trung đầu mối thực hiện hoạt động ủng hộ, tài trợ thì công ty mẹ và các đơn vị thành viên được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với khoản ủng hộ, tài trợ của công ty mẹ và từng đơn vị thành viên. Công ty mẹ phải có Biên bản hoặc văn bản, tài liệu xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ nêu trên. Đơn vị thành viên phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và có văn bản xác nhận của công ty mẹ về khoản ủng hộ, tài trợ của từng đơn vị thành viên.

2. Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn, hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Quỹ vắc-xin phòng Covid-19; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 đã tiếp nhận. Trường hợp đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ sử dụng sai mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo việc tính khoản chi ủng hộ, tài trợ vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đúng thực tế phát sinh, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chính sách của nhà nước để trục lợi, Cục Thuế sẽ phối hợp với cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện thanh tra, kiểm tra để xác minh hóa đơn, chứng từ, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) để so sánh và đối chiếu với giá sản phẩm cùng loại trên thị trường tại thời điểm doanh nghiệp mua, trên cơ sở đó xác định những trường hợp kê khai không đúng giá trị khoản ủng hộ, tài trợ vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp để có biện pháp xử lý đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là một số nội dung lưu ý trong việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/NQ-QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh thông báo để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tham khảo để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ người nộp thuế; Phòng Thanh tra - kiểm tra thuế số 1; Phòng Thanh tra - kiểm tra thuế số 2 và Phòng Thanh tra - kiểm tra thuế số 3) hoặc các Chi cục thuế trực thuộc (Đội Kiểm tra thuế, Đội Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán & Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế) để được hướng dẫn và giải đáp./*hn*

**Noi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng thuộc VP Cục, các CCT;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (Bpnam-6; 20).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

